

CÔNG TY TNHH TM LÊ GIA - MED
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM LÊ GIA - MED

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LE GIA – MED TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LE GIA – MED

2. Mã số doanh nghiệp: 0109250537

3. Ngày thành lập: 02/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Kim Trung, Xã Kim Lũ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141(Chính)
2.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
3.	Xây dựng nhà để ở	4101
4.	Xây dựng nhà không để ở	4102
5.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
7.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
9.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
10.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và cơ sở hạ tầng khu đô thị	4299
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan - Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa - Dịch vụ nâng cầu hàng hoá; - Dịch vụ đại lý tàu biển; - Dịch vụ đại lý vận tải đường biển - Dịch vụ logistics - Đại lý bán vé máy bay	5229
12.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ quầy bar)	5629

13.	Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: - Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm; - Chăn nuôi gà đẻ trứng; - Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng	0146
14.	Chăn nuôi khác	0149
15.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
16.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi Chi tiết: Đi giống lợn nội, ngoại, tinh dịch lợn	0162
17.	Trồng lúa	0111
18.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
19.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
20.	Trồng cây mía	0114
21.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
22.	Trồng cây ăn quả	0121
23.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thủy, hải sản trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
24.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc; - Bán buôn hoa và cây; - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	4620
25.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
26.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
27.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
28.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
29.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
30.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
31.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
32.	Phá dỡ	4311

33.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
34.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
35.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
36.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
37.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá - Xuất nhập khẩu thực phẩm chức năng, hóa mỹ phẩm - Xuất nhập khẩu thiết bị y tế	8299
39.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: - Bán buôn vải; - Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt ; - Bán buôn hàng may mặc; - Bán buôn giày dép	4641
40.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
41.	Sản xuất sợi	1311
42.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
43.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
44.	Bốc xếp hàng hóa	5224
45.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
46.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
47.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
48.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
50.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ quầy bar)	5610
51.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
52.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt (Không bao gồm hoạt động phun thuốc bảo vệ thực vật, phòng chống sâu bệnh cho cây trồng, kích thích tăng trưởng, bảo hiểm cây trồng)	0161
53.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
54.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
55.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
56.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
57.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

58.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hoá chất công nghiệp; - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn nông sản	4669
59.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
60.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn chuyển giao công nghệ;	7490
61.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
62.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
63.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
64.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá	4661
65.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
66.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa	4610
67.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
68.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
69.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
70.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn	5510
71.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (hoạt động ngoài tỉnh)	0810
72.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành du lịch nội địa	7911
73.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659

74.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế và chỉnh hình; - Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ khẩu trang vải, khẩu trang y tế, bao tay và quần áo bảo hộ y tế; - Bán lẻ lẻ thuốc tân dược. - Bán lẻ dược mỹ phẩm. - Bán lẻ thực phẩm chức năng	4772
75.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
76.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thực phẩm chức năng; - Bán buôn thực phẩm chức năng; - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy, hải sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632
77.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
78.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn thuốc - Bán buôn dược mỹ phẩm. - Bán buôn dụng cụ y tế	4649

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ THỊ ANH	Thôn Kim Trung, Xã Kim Lũ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	001300023302	

2	NGUYỄN THỊ MAI	Thôn Kim Trung, Xã Kim Lũ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	001169006275	
---	-------------------	---	---------------	--------	--------------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 29/11/2000

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001300023302

Ngày cấp: 30/11/2016

Nơi cấp: Cục QLDK và DLQG dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Kim Trung, Xã Kim Lũ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Kim Trung, Xã Kim Lũ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội